



Mã số: 260526/1086:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 04 tháng 06 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị gửi mẫu: **CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HTX THƯƠNG MẠI TP HCM – CO.OPMART CHÂU ĐỐC**
- Địa chỉ: Tổ 21, Khóm Châu Quới 3, Phường Châu Đốc, Tỉnh An Giang
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT7.260526	0526/NT/U-COM-CD/1: Sau hệ thống xử lý nước thải (Tọa độ: X = 1184076; Y = 540806)

4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2026

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT7.260526	
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	8,41	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	41	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	30,3	100
4	TDS ^{(a)(b)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	131	1.000
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH (MDL=1,0)	20
6	S ^{2-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	4
7	P_PO ₄ ^{3-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	0,85	10
8	N_NO ₃ ^{-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	< 0,15	50
9	N_NH ₄ ^{+(a)}	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	1,41	10
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	10
11	Coliforms ^(c)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	5.000

Ghi chú: Dấu (--): không quy định; KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện

Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo



KT. Giám đốc

Tạ Công Uẩn

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).

2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecert công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu do NTP – Vimecert 292 thực hiện

3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm